

Số: 169/BC-UBND

Lào Cai, ngày 19 tháng 6 năm 2017

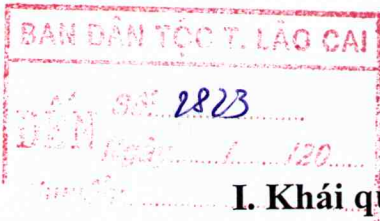
- Lát Bao
- cai phoij
- phuj th h d b
tj hiep

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thi hành Luật Bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Thực hiện Quyết định số 1392/QĐ-LĐTBXH ngày 14/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Bình đẳng giới; UBND tỉnh Lào Cai báo cáo kết quả 10 năm thi hành Luật Bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh như sau:

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT



I. Khái quát một số đặc điểm cơ bản về điều kiện tự nhiên, hành chính

Lào Cai là tỉnh vùng cao biên giới, nằm chính giữa vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc của Việt Nam; là cầu nối trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Phía Nam giáp tỉnh Yên Bái; phía Đông giáp tỉnh Hà Giang; phía Tây giáp tỉnh Lai Châu; phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam - Trung Quốc với trên 182 km đường biên giới.

Tỉnh Lào Cai có 8 huyện và 1 thành phố với 164 xã, phường, thị trấn. Trong đó, 3 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao thuộc diện đầu tư thực hiện theo Nghị quyết 30a/2008/NĐ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và 3 huyện nghèo được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương theo Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Dân số tỉnh Lào Cai năm 2016 là 689.320 người; toàn tỉnh có 25 dân tộc, trong đó dân tộc thiểu số chiếm trên 65% dân số; tỷ lệ dân số nữ chiếm khoảng 50%.

II. Tình hình kinh tế - xã hội

Từ năm 2007 đến nay, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai đạt được nhiều kết quả quan trọng, có tác động tích cực đến công tác bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh. Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển khá; hết năm 2016, tổng sản lượng lương thực đạt trên 293.000 tấn, toàn tỉnh có 28 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Kinh tế công nghiệp có bước phát triển đột phá; giá trị sản xuất công nghiệp năm 2016 đạt 21.681 tỷ đồng. Mức lưu chuyển hàng hoá trên thị trường tăng mạnh so với trước, đạt 17.047 tỷ đồng/năm 2016. Giá trị kim ngạch xuất - nhập khẩu qua các cửa khẩu Lào Cai tăng nhanh, năm 2016 đạt 2,07 tỷ USD.

Năm 2016, có gần 2,8 triệu lượt khách du lịch đến Lào Cai; thu ngân sách nhà nước đạt trên 6.240 tỷ đồng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng, giai đoạn 2006 - 2010 đạt 13%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 đạt trên 14%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, hợp lý; tỷ trọng nông lâm ngư nghiệp giảm xuống còn 15,6%/năm 2016, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng lên 44,3%/năm 2016, tỷ trọng dịch vụ tăng lên 40,1%/năm 2016. Kinh tế phát triển kéo theo mọi mặt của đời sống xã hội chuyển biến rõ nét. Các công trình hạ tầng thiết yếu như đường giao thông, trường học, thủy lợi, nhà văn hóa, điện lưới được quan tâm đầu tư... Năm 2014, tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai hoàn thành, đưa vào sử dụng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của Lào Cai. Đến nay, 100% số xã trên địa bàn tỉnh đã có đường ô tô đến trung tâm xã; 100% xã có điện lưới quốc gia; 86% hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. Thu nhập bình quân đầu người của Lào Cai tăng nhanh, đạt 46 triệu đồng/năm 2016. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt hiệu quả; năm 2016, tỷ lệ giảm hộ nghèo toàn tỉnh đạt 6,89%, tỷ lệ hộ nghèo còn lại là 27,41%, hộ cận nghèo 10,52%.

Lĩnh vực giáo dục đào tạo được nâng cao về chất lượng và mở rộng về quy mô. Năm 2007, Lào Cai đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Năm 2013, cả 9/9 huyện, thành phố đã hoàn thành thực hiện đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (về đích trước 2 năm). Đến hết năm 2016, trên địa bàn tỉnh Lào Cai có 309 trường học đạt chuẩn quốc gia. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được chú trọng chỉ đạo, tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả. Hệ thống y tế không ngừng được củng cố, phát triển. Toàn tỉnh có 5 bệnh viện tuyến tỉnh, 8 bệnh viện tuyến huyện, 36 phòng khám trực thuộc, 164 trạm y tế cấp xã. Hiện nay, Lào Cai đạt tỷ lệ 10 bác sỹ/vạn dân; công suất sử dụng giường bệnh bình quân đạt 132%, trung bình mỗi người dân Lào Cai được khám bệnh gần 3 lần/năm; có 71,3% số xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Hoạt động văn hoá, thông tin, tuyên truyền tiếp tục được đổi mới. An ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được củng cố, giữ vững.

PHẦN II: TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Công tác ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Luật

Đề Luật Bình đẳng giới được triển khai thực hiện có hiệu quả trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành một số văn bản chỉ đạo, điều hành có liên quan đến công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ (*Danh mục các văn bản chỉ đạo, điều hành kèm theo*).

Các sở, ban, ngành đoàn thể, UBND các huyện, thành phố và Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp tỉnh, cấp huyện đã phát huy vai trò, trách nhiệm được giao để tổ chức thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Lồng ghép và

xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ theo giai đoạn và hằng năm với các mục tiêu, hoạt động cụ thể.

2. Công tác quán triệt, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

Những năm qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác quán triệt, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Báo Lào Cai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh chuyển tải trên 200 phóng sự, tin, bài, tiểu phẩm, chuyên mục, chuyên trang tuyên truyền về bình đẳng giới và biểu dương gương người tốt, việc tốt, gương phụ nữ tiêu biểu giỏi việc nước, đảm việc nhà. Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thành phố chuyển tải gần 2.000 tin, bài tuyên truyền về Luật Bình đẳng giới, các chính sách về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Bên cạnh đó các bản tin chuyên đề, trang thông tin điện tử của các ngành, đơn vị trong tỉnh cũng đăng tải hàng chục nghìn lượt tin, bài, ảnh tuyên truyền về vấn đề giới, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Nhân dịp tổ chức kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10), Đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, Tháng hành động vì Bình đẳng giới,... công tác tuyên truyền bình đẳng giới được đẩy mạnh, tăng cường với hàng chục nghìn băng zôn, áp phích, tranh, phướn được treo, dán tại các khu vực tập trung đông dân cư, các lễ hội, phiên chợ, hội chợ, trên đường phố.

Để công tác tuyên truyền đạt hiệu quả, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội biên soạn và phát hành trên 30.000 bản các thể loại sách mỏng, hỏi - đáp, lịch bàn, tờ rơi,... tuyên truyền bình đẳng giới. In, phát hành hơn 3.000 tài liệu phục vụ tập huấn nâng cao năng lực bình đẳng giới. Tổ chức trên 150 buổi truyền thông nói chuyện chuyên đề trực tiếp tại cộng đồng về pháp luật bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, thu hút gần 20.000 lượt người dân tham gia.

Sở Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp tổ chức 5.086 buổi tuyên truyền pháp luật bình đẳng giới và các luật pháp liên quan đến bình đẳng giới cho 777.867 lượt người tham gia; qua đó đã cấp phát 36.372 bộ tài liệu, tờ rơi, tờ gấp, sách luật và đề cương tuyên truyền; làm mới 564 m² pa nô khổ lớn, 206 m² pa nô khổ nhỏ; treo 2.857 khẩu hiệu tuyên truyền; viết 94 tin, bài trên báo, tạp chí và Đài Phát thanh - Truyền hình; biên soạn, in, cấp phát 500 cuốn thông tin pháp lý số chuyên đề về bình đẳng giới.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chuyển tải trên 100 bài viết, 2.000 bức tranh, ảnh tuyên truyền về bình đẳng giới trên Cổng thông tin điện tử Sở; tổ chức 200 buổi tuyên truyền cấp huyện, cấp tỉnh; treo 150 băng zôn, pa nô, khẩu hiệu tuyên truyền; tổ chức 6.327 chương trình tọa đàm, sinh hoạt ngoại khóa về bình đẳng giới trong học sinh, sinh viên.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ký Chương trình phối hợp với Báo Lào Cai, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tuyên truyền về công tác gia đình, thực hiện công tác bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình và tệ nạn xã hội; phối hợp Công đoàn viên chức tỉnh Lào Cai xây dựng chương trình tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình, phòng chống bạo lực gia đình và bình

đăng giới trong cán bộ, công chức, viên chức, lao động giai đoạn 2011 - 2015; tuyên truyền trên trang web của ngành, đưa tin bài trên Báo Lào Cai, trung bình 8 bài viết/năm/chuyên mục gia đình, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới giới và giới thiệu các văn bản chính sách pháp luật về bình đẳng giới.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức gần 100 buổi tuyên truyền về Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình cho gần 15.000 lượt người tham dự.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức gần 3.000 buổi truyền thông nói chuyện chuyên đề, 100 buổi hái hoa dân chủ, 01 hội thi tìm hiểu kiến thức xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc tại cộng đồng, thu hút 200.000 lượt người dân địa phương tham gia. Nội dung chuyên đề tập trung tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực giới, bạo lực gia đình, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, công tác phụ nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và các vấn đề về bình đẳng giới trong hôn nhân, gia đình. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh duy trì phát hành 4 số Bản tin phụ nữ Lào Cai/năm; xây dựng và phát hành gần 90.000 tranh áp phích, tờ rơi tuyên truyền bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tổ chức 02 diễn đàn “Phụ nữ với công tác tham chính” cho 90 đại biểu; 07 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 175 nữ đại biểu HĐND các cấp, đại biểu nữ tiềm năng các cấp. Phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức 02 Hội thi tìm hiểu Luật Bình đẳng giới cấp tỉnh dưới hình thức sân khấu hóa, đã thu hút đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên thanh niên, cộng tác viên, tuyên truyền viên và nhân dân tham gia hưởng ứng.

3. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế của ngành, đơn vị, địa phương để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình đẳng giới

a) Tổ chức bộ máy, biên chế thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình đẳng giới:

- Cấp tỉnh: UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai và Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai. Theo đó, thành lập 01 phòng chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về công tác bình đẳng giới và công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới). Phòng hoạt động dưới sự chỉ đạo của 01 lãnh đạo Sở, gồm 08 biên chế (nay còn 05 biên chế). Trong đó có 02 cán bộ phụ trách lĩnh vực bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, với nhiệm vụ hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách, chương trình, dự án, kế hoạch về bình đẳng giới; hướng dẫn việc lồng ghép các chương trình về bình đẳng giới trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Cấp huyện: 9/9 huyện, thành phố đã bố trí 01 lãnh đạo và 01 cán bộ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiêm nhiệm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Cấp xã: Công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ do cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm.

b) Thành lập Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp

- Cấp tỉnh: Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh được kiện toàn tại Quyết định số 3458/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của UBND tỉnh Lào Cai. Ban gồm 22 thành viên, trong đó 01 Trưởng ban do Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiêm nhiệm; 05 Phó Trưởng ban (trong đó có 01 Phó Trưởng ban thường trực là Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) và 16 thành viên là lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh kiêm nhiệm. Bộ phận tham mưu, giúp việc cho Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh được đặt tại Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội với tổng số 5 biên chế; trong đó có 03 cán bộ kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị và 9/9 huyện, thành phố thực hiện kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ và xây dựng quy chế hoạt động của Ban. Theo đó, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các sở, ban, ngành, đoàn thể được kiện toàn có từ 5 - 7 thành viên (gồm 01 Trưởng ban do lãnh đạo cơ quan, đơn vị kiêm nhiệm, 01 Phó Trưởng ban và 3 - 5 thành viên do trưởng, phó phòng chuyên môn thuộc cơ quan, đơn vị kiêm nhiệm). Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các huyện, thành phố được kiện toàn gồm 16 thành viên (gồm 01 Trưởng ban do Phó Chủ tịch UBND huyện, thành phố kiêm nhiệm, 04 Phó Trưởng ban và 11 thành viên là lãnh đạo các phòng, ban, ngành của huyện, thành phố kiêm nhiệm). Một số ban, ngành và huyện, thành phố đã thành lập được Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp phòng, ban thuộc sở, ngành và cấp xã thuộc huyện, thành phố.

4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và lồng ghép tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cộng tác viên

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về bình đẳng giới được tăng cường nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cộng tác viên trên địa bàn tỉnh. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan đã tổ chức 39 lớp tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ công tác bình đẳng giới cho hơn 3.000 lượt cán bộ công chức, viên chức, người lao động các sở, ban, ngành cấp tỉnh, huyện, thành phố, cán bộ làm công tác bình đẳng giới cấp xã phường, thị trấn, các cộng tác viên, tình nguyện viên và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Lào Cai.

Hội Phụ nữ các cấp trong tỉnh đã phối hợp với Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố tổ chức 475 lớp tập huấn bồi dưỡng chính trị và nghiệp vụ công tác hội cho 23.750 lượt cán bộ Hội phụ nữ cơ sở; tổ chức 50 lớp tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ công tác bình đẳng giới cho 2.500 lượt cán bộ hội chuyên trách, ủy viên Ban Chấp hành Hội cơ sở; tổ chức 07 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 175 nữ đại biểu HĐND các cấp, đại biểu nữ tiềm năng các cấp.

5. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bình đẳng giới trên địa bàn

Thực hiện văn bản số 2443/LĐTBXH-BĐG ngày 14/7/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới; ngày 03/11/2009, UBND tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo ngành Tư pháp phối hợp với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện các đợt kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND tỉnh Lào Cai ban hành từ 01/01/2006 đến 30/9/2009 liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới. Kết quả: Đã tiến hành kiểm tra rà soát 312 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh Lào Cai ban hành từ 01/01/2006 đến 30/9/2009. Trong đó có 78 văn bản liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới (16 Nghị quyết, 56 Quyết định, 6 Chỉ thị): 19 văn bản hết hiệu lực thi hành và 59 văn bản còn hiệu lực thi hành. Tổng danh mục văn bản quy phạm pháp luật nguồn cấp trên làm căn cứ pháp lý để đối chiếu khi rà soát là 61 văn bản. Phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới.

Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới và thường trực Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh) chủ động phối hợp với các ngành tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình bình đẳng giới ở các ngành, đơn vị, địa phương. Năm 2015, UBND tỉnh đã thành lập đoàn kiểm tra liên ngành cấp tỉnh tiến hành rà soát và đánh giá toàn diện kết quả sau 5 năm triển khai thực hiện chương trình ở 8 xã của 4 huyện Bảo Thắng, Bắc Hà, Bát Xát và huyện Mường Khương. Công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trên địa bàn kiểm tra đã được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt.

Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp, ngành thường xuyên được kiện toàn, bổ sung và hoàn thiện quy chế hoạt động. Hoạt động nâng cao năng lực cán bộ về bình đẳng giới và truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới được tăng cường với nhiều nội dung, hình thức phong phú. Mục tiêu bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị đều đạt và vượt so với kế hoạch; nhiệm kỳ sau tăng so với nhiệm kỳ trước. Tỷ lệ lao động nữ được tạo việc làm mới hàng năm đều tăng và đạt bình quân gần 50%. Số hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và số phụ nữ được vay vốn thông qua các tổ chức, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh nhận làm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội đạt tỷ lệ gần 100%. Tỷ lệ học sinh nữ các nhóm tuổi từ mầm non đến trung học phổ thông tăng qua các năm học và đều đạt, vượt kế hoạch. Tỷ lệ xoá mù chữ cho phụ nữ trong độ tuổi dưới 40 đạt trên 90%. Tỷ lệ trẻ em gái từ 11 - 14 tuổi tốt nghiệp chương trình tiểu học và được vào lớp 6 đạt 99,8%. Việc huy động trẻ em nữ ở vùng sâu, vùng xa đến trường được đặc biệt quan tâm. Đến nay cơ bản các xã, thị trấn được kiểm tra đều có nữ hộ sinh. Tỷ lệ bà mẹ được uống

vitamin A sau sinh đạt 100%; 100% phụ nữ có thai được quản lý thai nghén trước khi sinh. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hoá gia đình được quan tâm; 100% các cơ sở y tế công lập đảm bảo được các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hoá gia đình. Nam nữ trên địa bàn đã bình đẳng trong thụ hưởng và tiếp cận các sản phẩm văn hóa, thông tin, thể thao. 100% các sản phẩm văn hóa thông tin trên địa bàn đảm bảo không vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

Cơ quan thanh tra, kiểm tra đã kịp thời phát hiện xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Một số vụ bạo lực gia đình được kịp thời phát hiện, kiểm soát và xử lý theo thẩm quyền cũng như được tư vấn pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình. Các nạn nhân bị buôn bán trở về (thông qua trao trả, giải cứu, tự trở về) được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng và học văn hóa, nghề tại nhà nhân ái tỉnh.

6. Công tác đảm bảo thực hiện các quy định bình đẳng giới trong công tác tổ chức và hoạt động tại các cơ quan, đơn vị tại địa phương (đề bạt, bổ nhiệm, đào tạo; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, xây dựng các mục tiêu bình đẳng giới)

Những năm qua, Lào Cai đã tích cực thực hiện công tác bình đẳng giới trong việc quy hoạch, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ. Việc giới thiệu nhân sự cấp ủy được đặc biệt quan tâm, lựa chọn đúng, đủ những nhân tố mới có đức, có tài, có triển vọng lãnh đạo, quản lý, nhất là cán bộ trẻ tuổi, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số để tham gia cấp ủy. Quy hoạch đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm được các ngành, các cấp công khai dân chủ, minh bạch và đúng quy trình; trong đó đặc biệt quan tâm đến phát triển, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nữ vào những vị trí chủ chốt.

Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV nhiệm kỳ 2010 - 2015: Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tăng gấp 2 lần so với nhiệm kỳ trước; trên 2.500 cán bộ được đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị, trong đó có hơn 30% là cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Công tác luân chuyển cán bộ được đẩy mạnh ở các cấp, trong nhiệm kỳ, Tỉnh ủy đã luân chuyển 107 lượt cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, trong đó có 10 lượt cán bộ nữ. Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã có công văn đề nghị Đảng đoàn, lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền các sở, ngành, các huyện ủy, thành ủy phối hợp rà soát công tác cán bộ nữ trên địa bàn tỉnh. Qua thống kê ở 9 huyện, thành phố có 152 cán bộ nữ được quy hoạch tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ.

Đến năm 2015, toàn tỉnh có 86,83% cán bộ cấp huyện, tỉnh có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, trong đó có gần 20 tiến sĩ, hơn 400 thạc sĩ, hàng trăm cán bộ kỹ thuật đạt trình độ chuyên khoa cấp I, II; cán bộ nữ chiếm tỷ lệ 35,08%.

PHẦN III:

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG VIỆC THỰC HIỆN LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI ĐỐI VỚI TỪNG LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Trong lĩnh vực chính trị

Trong nhiệm kỳ 2011 - 2015: Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp đạt 16,78%; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp đạt 33,33%; tỷ lệ các cơ quan ban, ngành thuộc UBND các cấp có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt từ 37,17%.

Tại Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021: Kết quả nữ ứng cử viên trúng cử đại biểu Quốc hội và HĐND ở cả 3 cấp của tỉnh Lào Cai đều đạt trên 32%. Cụ thể: Nữ đại biểu Quốc hội có 02/06 người (chiếm 33,3%); nữ đại biểu HĐND tỉnh có 19/56 người (chiếm 33,9%); nữ đại biểu HĐND cấp huyện có 109/317 người (chiếm 34,38%); đại biểu HĐND cấp xã có 1.322 nữ/4.122 người (chiếm 32,07%). Cùng với số lượng tăng, trình độ học vấn, lý luận chính trị của nữ đại biểu trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 cũng tăng cao so với nhiệm kỳ trước.

Tính đến tháng 5/2017, nữ Thường trực Tỉnh ủy có 01/02 người, chiếm tỷ lệ 50%; nữ Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy có 01/15 người, chiếm tỷ lệ 6,67%; nữ Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 08/51 người, chiếm tỷ lệ 15,69%.

2. Trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm

Tính đến tháng 5/2017, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh là 422.460 người; trong đó số lao động nữ là 208.528 người, bằng 49,4%. Số lao động được tạo việc làm từ 15 tuổi trở lên là 417.533 người, trong đó có 203.601 nữ. Lao động thành thị có 81.567 người, nữ lao động thành thị có 40.283 người; lao động nông thôn có 335.966 người, nữ lao động nông thôn có 167.352 người.

Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo 15,71%. Tỷ lệ lao động nữ đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo đạt 14,16%. Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn kỹ thuật đạt 83,26%; tỉ lệ lao động nữ được đào tạo chuyên môn kỹ thuật đạt 78,34%. Tỷ lệ lao động nữ được tạo việc làm mới hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch trên 50% (năm sau tăng bình quân 2 - 4% so với cùng kỳ năm trước). Thực hiện Đề án 295 “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, giới thiệu việc làm”, tỷ lệ nữ tham gia học nghề đều đạt và vượt chỉ tiêu 40% trên tổng số tuyển sinh, tỷ lệ có việc làm sau học nghề đạt trên 75%. Tỷ lệ thất nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh là 1,24%; thất nghiệp chia theo giới tính nam là 1,36%, nữ là 1,09%; thất nghiệp thành thị chiếm 3,87%, thất nghiệp nông thôn chiếm 0,57%.

Phụ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu đã được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 99%; qua đó phụ nữ đã có nhiều cơ hội làm chủ về lao động, việc làm và chủ động về lĩnh vực kinh tế. Tính đến tháng 5/2017, tổng số vốn cho phụ nữ vay thông qua tổ chức Hội Phụ nữ là 1.096.860 triệu đồng cho 29.658 phụ nữ nông thôn. Ở khu vực nông thôn, chị em phụ nữ đã tích cực thi đua lao động, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.

Các doanh nghiệp nữ, hộ gia đình sản xuất kinh doanh do phụ nữ làm chủ đã tạo việc làm cho hàng vạn lao động, góp phần ổn định chính trị, kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Trong khối công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, tỷ lệ phụ nữ tham gia làm chủ đạt 27,5% trong tổng số lãnh đạo điều hành công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

Trên địa bàn tỉnh có một số ngành có tỷ lệ nữ cao như: Ngành giáo dục tỉ lệ nữ cán bộ, nhà giáo, người lao động chiếm 73%; ngành y tế tỉ lệ nữ chiếm 64,4%; ngành ngân hàng tỉ lệ nữ chiếm 60%. Thu nhập bình quân (không phân biệt giới) khối hành chính sự nghiệp đạt 4,5 triệu đồng/người/tháng, khối sản xuất kinh doanh đạt bình quân 6,5 triệu đồng/người/tháng.

3. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Đến tháng 12/2016, ngành giáo dục đã có 100% nữ cán bộ, nhà giáo, người lao động có trình độ đào tạo đạt chuẩn, trong đó có 42% có trình độ đào tạo trên chuẩn và 7,5% đang tham gia các chương trình đào tạo trên chuẩn; 32,56% được bồi dưỡng về tin học, 11,05% được bồi dưỡng ngoại ngữ, 100% được tham gia bồi dưỡng về chính trị hằng năm, có 3,15% được đào tạo trình độ lý luận chính trị theo yêu cầu của từng vị trí việc làm.

Số trường học, lớp học và phòng học mầm non 201 trường, với 2.353 lớp học, 2.138 phòng học, 3.903 giáo viên, 51.631 học sinh. Số trường học, lớp học phổ thông 456 trường (tiểu học 231 trường, THCS 178 trường, THPT 27 trường), 6.013 lớp học (tiểu học 3.935 lớp, THCS 1.573 lớp, THPT 505 lớp); số giáo viên phổ thông 10.526 giáo viên (tiểu học 5.816 giáo viên, THCS 3.525 giáo viên, THPT 1.185 giáo viên); số học sinh phổ thông 136.629 học sinh (tiểu học 73.271 học sinh, THCS 46.341 học sinh, THPT 17.017 học sinh). Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông đạt 77,01%, trong đó nữ 49,24% (nữ tiểu học đạt 50,05%, nữ THCS 49,87%, nữ THPT 48,45%); tỷ lệ đi học đúng tuổi 93,27%, trong đó nữ đạt 49,02% (nữ đi học đúng tuổi hệ tiểu học 49,15%, hệ THCS 49,45%, hệ THPT 48,38%). Tỷ lệ học sinh phổ thông lưu ban 0,49% (trong đó tiểu học 0,47%, THCS 0,5%, THPT 0,51%). Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi biết đọc, biết viết đạt trên 97%; tỷ lệ nữ học sinh, sinh viên là tương đối cân bằng và bình đẳng, tỷ lệ nữ thủ khoa trong các kỳ thi ngày càng tăng (đạt 61,6%).

Đội ngũ nữ trí thức không ngừng tăng cả về số lượng, chất lượng và được trẻ hóa: Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 406 thạc sỹ, trong đó có 173 nữ thạc sỹ, chiếm 42,6%; có 03 nữ tiến sỹ/12 tiến sỹ, chiếm 25%. Có 100% cơ quan quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục đều đã có ít nhất 01 đồng chí nữ lãnh đạo, quản lý; trong ngành giáo dục có trên 60% nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý (tăng 22% so với thời điểm tháng 12/2006), tỷ lệ đảng viên nữ đạt 34,73% (tăng 16,09% so với cùng kỳ tháng 12/2006), trong đó có trên 37% cấp ủy là nữ.

4. Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Phụ nữ tham gia ngày càng chủ động, tích cực vào các hoạt động khoa học công nghệ, có nhiều công trình nghiên cứu làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, ứng dụng vào sản xuất và hoạt động thực tiễn đem lại lợi ích kinh tế, xã hội trên nhiều lĩnh vực. Số phụ nữ tham gia các đề tài khoa học 30/128 người (chiếm

tỷ lệ 23,43%); tỷ lệ phụ nữ có sáng kiến khoa học và cải tiến kỹ thuật đạt 23% trong tổng số sáng kiến cấp tỉnh.

5. Trong lĩnh vực y tế

Tổng số nhân lực y tế toàn tỉnh (bao gồm nhân lực y tế tư nhân và hợp đồng) tính đến tháng 12/2016 là 4.731 người (trong đó có 735 bác sỹ). Nhân lực y tế toàn ngành (bao gồm Sở Y tế và 33 đơn vị trực thuộc) là 3.695 người (trong đó có 598 bác sỹ, 2.378 cán bộ nữ, chiếm 64,4%). Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2015 là 76,83%. Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe tăng từ 74,6%/năm 2011 lên trên 93%/năm 2016. Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiêm phòng uốn ván đạt 83,4%.

Thực hiện Đề án Giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh tại 100% xã, phường, thị trấn; có 100% cơ sở y tế cam kết không thông báo giới tính thai nhi cho phụ nữ và người thân của họ và không loại bỏ thai nhi vì lý do giới tính; tỷ số giới tính khi sinh được kiểm chế ở số 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái. Tỷ lệ nạo phá thai trong những năm gần đây có phần giảm đáng kể, không để xảy ra tai biến do nạo phá thai. Giảm tỷ số tử vong mẹ năm 2016 là 45/100.000 trẻ đẻ sống. Có 100% các cơ sở y tế công lập trong toàn tỉnh thực hiện được các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hoá gia đình.

Từ năm 2012 - 2015, thực hiện chế độ hỗ trợ chữa bệnh cho người nghèo, người dân tộc thiểu số, phụ nữ sinh con tại các cơ sở y tế công lập cho 118.416 lượt bệnh nhân với tổng số 781.985 ngày điều trị, tổng kinh phí hỗ trợ 29.214 triệu đồng; trong đó hỗ trợ cho 688 lượt phụ nữ nghèo sinh con tại Trạm y tế xã với tổng số tiền 128 triệu đồng và phụ nữ nghèo sinh con tại Phòng khám Đa khoa khu vực với tổng số tiền 70 triệu đồng.

6. Trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao

Chỉ tiêu bảo đảm việc tiếp cận và hưởng thụ bình đẳng nhu cầu thưởng thức văn hóa, tiếp nhận thông tin giữa nam và nữ trên địa bàn toàn tỉnh tăng từ 69,3% năm 2011 lên 93% năm 2016. Trong giai đoạn 2011 - 2015, 100% Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện có chuyên mục, chuyên đề nội dung nâng cao nhận thức bình đẳng giới.

Số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa đảm bảo bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình là 125.458/157.309 hộ gia đình/năm 2016, đạt 79,8% (tăng 32.780 hộ so với năm 2010); những gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa là hộ gia đình đảm bảo các tiêu chí về xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, bình đẳng giới.

Có 1.014 thôn, bản, tổ dân phố có đội văn nghệ, 977 thôn bản, tổ dân phố có đội thể thao, 773 đội văn nghệ. Ở một số địa phương như thành phố Lào Cai, thị trấn Sa Pa,... nhiều câu lạc bộ theo sở thích cũng được thành lập nhằm đáp nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân như: Câu lạc bộ khiêu vũ, câu lạc bộ thể dục thể thao, câu lạc bộ cầu lông, câu lạc bộ bóng bàn, câu lạc bộ chèo, câu lạc bộ thơ ca,... Thành viên của các đội văn nghệ, đội thể thao và các câu lạc bộ sở thích không giới hạn độ tuổi, bao gồm cả nam và nữ; đặc biệt số

lượng nữ giới tham gia đội văn nghệ đạt trên 70% so với tổng số thành viên, số lượng nữ tham gia đội thể thao đạt trên 30%.

Trong lĩnh vực du lịch: Có 398 người được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch, trong đó có 76 thẻ nữ, chiếm tỷ lệ 24%.

7. Trong lĩnh vực gia đình

Trong gia đình hiện nay, đa phần phụ nữ và nam giới đều tham gia các hoạt động kinh tế tạo thu nhập, cùng giáo dục con và chăm sóc các thành viên khác. Vợ chồng cùng bàn bạc, tôn trọng ý kiến của nhau trước khi quyết định các vấn đề lớn, quan tâm, chăm sóc và tạo điều kiện về mọi mặt cho con trai và con gái phát triển (đặc biệt là ở khu vực thành phố, thị xã, thị trấn).

Nhằm hạn chế tình trạng phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương, Tỉnh ủy Lào Cai đã chỉ đạo tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án về một số giải pháp phòng, chống tình trạng phụ nữ đi khỏi địa phương và Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống, ngăn chặn phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương. Theo đó, các cấp, các ngành đã tổ chức nhiều chiến dịch truyền thông, hội thảo, chỉ đạo thành lập nhiều mô hình mới tại các huyện, thành phố như: Mô hình “Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng”; “Tổ phụ nữ tự quản đường biên, mốc giới”; “Thôn, bản không có phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương”; “Tổ phụ nữ không có con tảo hôn”,... Duy trì và thành lập mới 13 câu lạc bộ “Phụ nữ với pháp luật”, 30 câu lạc bộ “Phòng, chống mua bán phụ nữ”, mô hình “Thôn, bản không có phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương”,... thu hút đông đảo các thành viên bao gồm cả nam giới tham gia. Thông qua các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ, nhân dân đã được nâng cao nhận thức, hiểu biết về những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, nâng cao kỹ năng phòng chống buôn bán phụ nữ, phòng chống bạo lực gia đình.

8. Kinh phí thực hiện công tác bình đẳng giới tại địa phương

- Cấp tỉnh: Từ nguồn kinh phí hỗ trợ có mục tiêu thuộc Chương trình quốc gia bình đẳng giới và nguồn ngân sách địa phương chi cho công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Giai đoạn từ năm 2005 - 2010, kinh phí hoạt động chủ yếu là công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ với nguồn ngân sách địa phương. Giai đoạn 2011 - 2016, kinh phí hoạt động như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Chương trình hành động quốc gia bình đẳng giới	310	490	465	240	250	80
2	Công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ	150	200	300	366	540	285

- Cấp huyện, thành phố: Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, các huyện tự cân đối, bố trí ngân sách để chi cho các hoạt động Chương trình hành động bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ.

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CHUNG VIỆC THỰC HIỆN LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Thuận lợi

- Luật Bình đẳng giới, các chương trình bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Lào Cai đã nhận được sự quan tâm của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương; sự phối kết hợp đồng bộ của cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh và sự quan tâm, lồng ghép tốt với các hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của các ban, ngành, đoàn thể, huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Các chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án được Chính phủ đầu tư phát triển đến vùng cao, đồng bào dân tộc thiểu số như: Giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ phụ nữ học nghề, giới thiệu việc làm,... đã góp phần quan trọng thúc đẩy và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Những mô hình hay, cách làm tốt từ các chương trình, đề án, dự án do các cấp, các ngành trong tỉnh được triển khai thực hiện như: Mô hình “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế”; mô hình “5 không, 3 sạch”; mô hình “Phòng, chống tình trạng phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương”; mô hình “Tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam”; mô hình “Phòng chống bạo lực gia đình”; mô hình lồng ghép bình đẳng giới trong hương ước, quy ước làng, bản,... đã có tác động mạnh mẽ làm thay đổi hành vi và nâng cao nhận thức trong nhân dân về bình đẳng giới. Bản thân người phụ nữ đã tích cực phấn đấu vươn lên trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Quyền lợi học tập, việc làm, chăm sóc sức khỏe, nuôi con của phụ nữ đã được cải thiện; vị thế, vai trò của phụ nữ được khẳng định trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Các cấp hội, nhất là Hội Phụ nữ đã không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tăng cường chăm lo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ. Đời sống cán bộ, công chức, viên chức người lao động và nhân dân tiếp tục được nâng lên; mạng lưới công nghệ thông tin phát triển đa dạng đã góp phần tích cực nâng cao năng lực, nhận thức của toàn xã hội về thực hiện chính sách, pháp luật bình đẳng giới.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý có tỷ lệ thấp, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lực lượng lao động nữ.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bình đẳng giới ở cơ sở đã được tăng cường nhưng chưa đủ mạnh để chuyển đổi hành vi trong nhân dân về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tài liệu truyền thông còn ít, tài liệu của Trung ương còn thiếu và chưa phù hợp (sách nhiều trang, chữ nhỏ, thiếu hình ảnh, chưa thu hút).

- Công tác điều tra, khảo sát, thống kê toàn diện về bình đẳng giới trên địa bàn toàn tỉnh chưa được triển khai thực hiện dẫn đến thiếu cơ sở dữ liệu để xây dựng bộ chỉ số hoàn chỉnh về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ hầu hết đều kiêm nhiệm, thường xuyên có sự luân chuyển công tác; năng lực chuyên môn nghiệp vụ công tác còn hạn chế. Nguồn lực kinh phí còn hạn chế.

- Tình trạng tảo hôn vẫn còn tồn tại, đặc biệt là ở các vùng cao, đồng bào dân tộc thiểu số. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khó khăn và tình trạng phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương. Ở nhiều thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn tình trạng phụ nữ sinh đẻ tại nhà, làm hạn chế quyền được hưởng các dịch vụ y tế của phụ nữ.

- Số phụ nữ nông thôn thiếu việc làm, di cư khỏi địa phương vẫn còn. Tỷ lệ phụ nữ mù chữ, nghèo còn cao, còn bị ràng buộc bởi phong tục, tập quán lạc hậu. Phụ nữ cao tuổi, phụ nữ đơn thân, phụ nữ tàn tật có hoàn cảnh khó khăn chưa được quan tâm đúng mức.

- Công tác phụ nữ còn có những hạn chế nhất định. Một số chính sách, phương pháp công tác vận động phụ nữ còn chưa được cụ thể và chưa phù hợp ở một số nơi đặc thù. Phẩm chất đạo đức và một số giá trị truyền thống tốt đẹp có phần bị mai một, lối sống thực dụng có xu hướng phát triển trong một bộ phận phụ nữ. Tình trạng bạo lực gia đình, tệ nạn mại dâm, hiếp dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em có diễn biến phức tạp.

PHẦN V ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Các giải pháp hoàn thiện thể chế

- Luật Bình đẳng giới quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực cụ thể và đưa ra các hình thức xử lý vi phạm tại Điều 40, 41, 42. Tuy nhiên, quy định về các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới còn chung chung, dẫn chiếu đến các văn bản pháp luật khác (hành chính, dân sự, hình sự), đặc biệt là xử lý kỷ luật, bồi thường thiệt hại. Vì vậy, giữa Luật Bình đẳng giới và các luật chuyên ngành khác còn thiếu đồng bộ, hạn chế khả năng thực thi và hiệu quả áp dụng của Luật Bình đẳng giới trong thực tế.

- Điều 13 Luật Bình đẳng giới và Điều 5 Bộ luật Lao động đều quy định về các bảo đảm đặc biệt liên quan đến những cơ hội bình đẳng giới về việc làm và các quyền tự do lựa chọn ngành nghề, học nghề và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; độ tuổi đi học,... Tuy nhiên, một số quy định của Bộ luật Lao động, đặc biệt là Điều 160 và những văn bản hướng dẫn thi hành quy định cấm sử dụng phụ nữ làm các công việc nguy hiểm cụ thể, do đó đã làm hạn chế sự lựa chọn nghề nghiệp và quyền lao động của phụ nữ.

- Tại Khoản 4, Điều 14 Luật Bình đẳng giới quy định nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới 36 tháng được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ. Việc chia sẻ trách nhiệm nuôi dạy con cái cần phải có cả bố và mẹ, vì vậy đề nghị Điều 14 Luật Bình đẳng giới cần phải được áp dụng đối với cả cán bộ công chức, viên chức nam và nữ.

- Tại Khoản 3, Điều 17 Luật Bình đẳng giới quy định phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số (trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc) khi sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ theo quy định. Đề nghị mở rộng đối tượng bao gồm cả phụ nữ nghèo là người Kinh cư trú ở vùng sâu, vùng xa cũng được hưởng chính sách hỗ trợ khi sinh con đúng chính sách dân số, vì thực tế đời sống của nhóm đối tượng này cũng khó khăn như nhóm đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành Luật Bình đẳng giới

2.1. Về tổ chức bộ máy, biên chế thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương

Thông nhất xây dựng hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới từ Trung ương đến địa phương: Cấp Trung ương có Vụ Bình đẳng giới; cấp tỉnh có Phòng Bình đẳng giới thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; cấp huyện, xã có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới và đội ngũ cộng tác viên làm công tác bình đẳng giới ở cơ sở.

2.2. Về nguồn lực, kinh phí bố trí thực hiện công tác bình đẳng giới tại ngành, đơn vị, địa phương

- Ưu tiên đầu tư nguồn lực đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu trong Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới đến năm 2020. Hỗ trợ kinh phí để duy trì và nhân rộng các mô hình bình đẳng giới.

- Thực hiện lồng ghép công tác bình đẳng giới vào các hoạt động, chương trình, dự án, đề án của các ngành, đơn vị, địa phương.

2.3. Về cơ chế phối hợp liên ngành trong tổ chức triển khai thực hiện

- Công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ chủ yếu là hoạt động lồng ghép, vì vậy cần có cơ chế và chỉ đạo phối hợp liên bộ, liên ngành từ Trung ương đến địa phương.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan, đơn vị.


3. Một số giải pháp, đề xuất khác

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn và nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp; đào tạo đội ngũ giảng viên tuyến tỉnh nhằm xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn để tổ chức tập huấn cho cán bộ cấp cơ sở.


- Tổ chức cho các hộ gia đình tiêu biểu, xuất sắc được giao lưu, học tập kinh nghiệm các mô hình điển hình về bình đẳng trên các lĩnh vực. Đa dạng hoá các hình thức thông tin tuyên truyền phù hợp với thực tiễn của địa phương nhằm nâng

cao nhận thức và chuyển đổi hành vi về bình đẳng giới trong nhân dân, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ để kịp thời phát hiện những thiếu sót, tồn tại, tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại cơ sở để giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết 10 năm thi hành Luật Bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai./. 

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Vụ Bình đẳng giới (Bộ LĐTBXH);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- CVP, PCVP2;
- Lưu: VT, TH1,4, VX. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Thế

**Danh mục một số văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh Lào Cai
liên quan đến công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ**
(Kèm theo Báo cáo số: 169/BC-UBND ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh Lào Cai)



I. Chỉ thị, Đề án của Tỉnh ủy

1. Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 31/8/2007 của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
2. Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 25/5/2012 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống, ngăn chặn phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương.
3. Đề án số 01-ĐA/TU ngày 18/12/2012 của Tỉnh ủy Lào Cai về một số giải pháp phòng, chống tình trạng phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương giai đoạn 2012 - 2015.

II. Nghị quyết của HĐND tỉnh

1. Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ dinh dưỡng cho người nghèo tỉnh Lào Cai mắc bệnh phải điều trị nội trú và phụ nữ sinh con tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập.
2. Nghị quyết số 46/2014/NQ-HĐND ngày 17/12/2014 của HĐND tỉnh Lào Cai sửa đổi và bãi bỏ một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ dinh dưỡng cho người nghèo tỉnh Lào Cai mắc bệnh phải điều trị nội trú và phụ nữ sinh con tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập.
3. Nghị quyết số 90/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017 - 2020.

III. Quyết định, Chỉ thị của UBND tỉnh

1. Chỉ thị số 05/2010/CT-UBND ngày 20/05/2010 của UBND tỉnh Lào Cai về việc tăng cường thực hiện công tác bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
2. Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chính sách hỗ trợ dinh dưỡng cho người nghèo tỉnh Lào Cai mắc bệnh phải điều trị nội trú và phụ nữ nghèo sinh con tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập.
3. Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế phối hợp hoạt động và mối quan hệ công tác giữa UBND tỉnh Lào Cai với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lào Cai.
4. Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chế độ hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, một số đối tượng chính sách; quản lý, sử dụng quỹ khám, chữa bệnh người nghèo tỉnh Lào Cai.

5. Quyết định số 133/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thực hiện chính sách hỗ trợ công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017 - 2020.

IV. Một số văn bản khác

1. Kế hoạch hành động số 13/KH-UBND ngày 13/3/2007 của UBND tỉnh Lào Cai vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010.

2. Văn bản số 624/UBND-NC ngày 21/3/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc nâng cao năng lực cho ứng cử viên đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp tỉnh Lào Cai.

3. Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 18/01/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về triển khai Đề án Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước giai đoạn 2011 - 2015.

4. Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 3/10/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Lào Cai.

5. Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 8/11/2011 của UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt Chương trình hành động về bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn 2020.

6. Kế hoạch số 16/KH-CDVC ngày 18/01/2013 của Công đoàn viên chức tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh Lào Cai tuyên truyền thực hiện Chương trình về bình đẳng giới trong công chức, viên chức, lao động giai đoạn 2012 - 2015.

7. Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 23/3/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về triển khai thực hiện Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 01/12/2009 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

8. Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về kiểm tra liên ngành và tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá 05 năm thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới tỉnh Lào Cai và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ giai đoạn 2011 - 2015.

9. Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 13/4/2016 của UBND tỉnh Lào Cai triển khai Chương trình hành động về bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020.

10. Hằng năm, UBND tỉnh Lào Cai đều ban hành Kế hoạch thực hiện công tác bình đẳng giới tỉnh (VD: Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 23/3/2015 thực hiện công tác bình đẳng giới tỉnh Lào Cai năm 2015; Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 28/5/2014 thực hiện công tác bình đẳng giới tỉnh Lào Cai năm 2014; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 13/03/2013 thực hiện công tác bình đẳng giới tỉnh Lào Cai năm 2013; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 20/4/2012 thực hiện chương trình bình đẳng giới tỉnh Lào Cai năm 2012; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 01/4/2011 triển khai các hoạt động công tác bình đẳng giới tỉnh Lào Cai năm 2011;...). 